|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GDĐT ĐẠI LỘC  **TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN**  Số: 04/KH-THĐT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Đại Tân, ngày 30 tháng 8 năm 2022* |

**KẾ HOẠCH**

**Giáo dục nhà trường năm học 2022-2023**

- Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGD ĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và đào tạo về Ban hành chương trình giáo dục phổ thông; Căn cứ Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

- Căn cứ Quyết định số 2094/QĐ-UBND tỉnh Quảng Nam ngày 10 tháng 8 năm 2022 về việc Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2021-2022 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

- Căn cứ Công văn số 162/PGDĐT-TH của Phòng GDĐT Đại Lộc ngày 5/8/2021 về việc hướng dẫn xây dựng KHGD nhà trường.

Thực hiện nhiệm vụ năm học, nay Trường TH&THCS Đại Tân lập Kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học năm học 2022-2023 với những nội dung cụ thể như sau:

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương**

Đại Tân là một xã cách xa trung tâm huyện, là xã miền núi, địa hình đồi gò nhiều, dân cư thưa thớt. Đời sống kinh tế nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, nhân dân chủ yếu làm nghề nông. Tỉ lệ hộ nghèo và cận nghèo còn nhiều so với mặt bằng chung trong toàn huyện, xã mới vừa thoát khỏi vùng đặc biệt khó khăn. Lực lượng lao động trẻ ở địa phương chủ yếu đi làm ăn xa vào các thành phố lớn như Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, … Do vậy, việc đầu tư cũng như quan tâm trực tiếp của phụ huynh đến việc học tập của con em còn hạn chế. Trường TH&THCS Đại Tân mới vừa sáp nhập từ đầu tháng 6/2022 và điều kiện địa phương như vậy, vấn đề tổ chức dạy học của nhà trường gặp không ít khó khăn. Tuy nhiên, được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền địa phương, của lãnh đạo Phòng GDĐT huyện đến công tác giáo dục trong những năm qua công tác giáo dục của xã Đại Tân gặt hái những thành công nhất định.

**2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2022 – 2023**

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

Khái quát về tình hình học sinh của nhà trường.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối lớp | Số lớp | Số HS | Nữ | 2b/ngày | K.tật | Bán trú | Tỉ lệ HS/lớp |
| 1 | 2 | 68 | 36 | 68 | 2 |  | 34 |
| 2 | 3 | 72 | 39 | 72 | 2 |  | 25 |
| 3 | 3 | 73 | 31 | 73 | 1 |  | 25 |
| 4 | 3 | 81 | 41 | 81 |  |  | 27 |
| 5 | 3 | 82 | 41 | 82 | 1 |  | 28 |
| TC | 14 | 376 | 188 | 376 | 6 |  | 27 |

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | SL | Nữ | Đại học | C.đẳng | T.cấp | B.chế | Hợp  đồng | Ghi chú |
| CBQL | 1 |  | 1 |  |  | 1 |  |  |
| GV | 21 | 16 | 17 | 3 | 1 | 17 | 4 |  |
| TPT | 1 |  |  | 1 |  | 1 |  |  |
| NV | 1 | 1 |  |  | 1 | 1 |  |  |
| B.vệ | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| Tổng | 25 | 17 | 18 | 4 | 2 | 20 | 5 |  |

Tỉ lệ nữ 68%; tỉ lệ GV/lớp 1,5

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú.

Trường có 01 điểm trường chính, tổng số lớp 14/14 phòng học, không có lớp ghép; có phòng dạy học Tin học, phòng dạy tiếng Anh, phòng GDNT, có đủ các phòng làm việc: HT, PHT, VT-KT, YT, phòng nghỉ GV, Hội trường, TV-TB,…

Có đủ sách giáo khoa, sách giáo viên, thiết bị dạy và học Chương trình GDPT 2018 lớp 1, 2 và lớp 3 phụ vụ cho GV tổ chức việc dạy và học.

**II. Mục tiêu giáo dục năm học 2022-2023**

1. **Mục tiêu chung**

Xây dựng trường học hạnh phúc, học sinh tích cực, mỗi ngày đến trường là một ngày vui. Đảm bảo môi trường lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân. Giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, học sinh năng khiếu, học sinh chưa đạt chuẩn, các hoạt động trải nghiệm.

Năm học 2022-2023 là năm học tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kép với mục tiêu: vừa tích cực thực hiện các giải pháp phòng chống dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp; Nhà trường căn cứ các hướng dẫn của Phòng GDĐT xây dựng kế hoạch dạy học bảo đảm hoàn thành Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) cấp tiểu học phù hợp với diễn biến tình hình dịch bệnh xảy ra tại địa phương. Là năm học thứ ba triển khai CTGDPT 2018 cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (CTGDPT 2018) đối với lớp 1, 2, 3; Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng lộ trình.

Tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng thực hiện CTGDPT đối với lớp 1, 2, 3; bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, quản lí và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, bổ sung xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo phòng học, các phòng chức năng, bếp ăn bán trú, nhà vệ sinh, công trình nước sạch và mua sắm bổ sung bàn ghế đúng tiêu chuẩn, mua sắm các thiết bị dạy học còn thiếu; đáp ứng mục tiêu giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

Triển khai thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 1, 2, 3 đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tích cực chuẩn bị các điều kiện đảm bảo triển khai thực hiện chương trình đối với lớp 4 từ năm học 2023-2024. Tiếp tục thực hiện hiệu quả CTGDPT cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 (CTGDPT 2006) lớp 4 và 5.

Đảm bảo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng theo chuẩn nghề nghiệp; thực hiện bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để triển khai CTGDPT 2018 theo lộ trình; bồi dưỡng nâng cao năng lực triển khai các nhiệm vụ cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên tiểu học; tổ chức bồi dưỡng cho 100% giáo viên dạy học lớp 4 về các nội dung bồi dưỡng theo quy định của Bộ GDĐT và hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa lớp 4 cho năm học 2023-2024.

Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng đẩy mạnh phân cấp quản lý, tăng cường quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục. Tăng cường nền nếp, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Chú trọng kết hợp dạy chữ với dạy người, giáo dục ý thức, trách nhiệm của công dân đối với gia đình - nhà trường - xã hội cho học sinh tiểu học. Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành phù hợp điều kiện của trường.

**2. Chỉ tiêu cụ thể**

- Giữ vững danh hiệu “Cơ quan chuẩn văn hóa”, “Trường xanh - sạch - đẹp - an toàn - hạnh phúc”.

 - Tất cả CB, GV, NV thực hiện tốt bộ qui tắc ứng xử văn hóa trong trường học. 100% CB, VC tham gia viết SKKN, đạt cấp huyện 2 SKKN.

- Đạt danh hiệu CSTĐ cơ sở 2, LĐTT đạt 15

- Đạt danh hiệu giáo viên giỏi cấp trường 80%, giáo viện dạy giỏi cấp huyện đạt 02 GV.

**- T**rong năm không có học sinh bỏ học, học sinh 6 tuổi vào lớp 1 đạt tỷ lệ 100%; Tỷ lệ học sinh hoàn thành Chương trình Tiểu học đạt 100%

- Duy trì kết quả phổ cập GDTH mức độ 3.

- Phẩm chất: 100 % xếp loại đạt trở lên.

- Năng lực: 100 % xếp loại đạt trở lên.

- 100% học sinh hoàn thành chương trình lớp học, trong đó học sinh đạt loại xuất sắc từ 30-40%, loại hoàn thành tốt từ 40-45%.

- Học sinh tham gia Hội thi giao lưu Olympic Tiếng Anh cấp huyện có đạt giải. HS tham gia đầy đủ các môn thi hoạt động ngoài giờ lên lớp cấp huyện và đạt giải.

**III. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học**

- Trên cơ sở chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Tăng cường các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh.

- Việc thực hiên chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 tại đơn vị gắn với việc thực hiện quy hoạch, sắp xếp lại các lớp học đảm bảo tính hiệu quả cao nhất, phù hợp với nhiệm vụ giáo dục tại địa phương.

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (9 buổi/ tuần), số lượng tiết học mỗi ngày 7 tiết cho tất cả các khối lớp từ 1 đến 5.

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh sau mỗi chủ đề bài học, mỗi hoạt động, tạo cơ hội phát triển năng lực thực tiễn cho học sinh.

- Xây dựng kế hoạch tập huấn, nâng cao nhận thức, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong giáo viên về chương trình giáo dục phổ thông mới năm 2018.

- Tạo dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện để tất cả các em học sinh đều cảm nhận được "Mỗi ngày đến trường là một ngày vui". Tạo điều kiện tốt nhất để mỗi học sinh được học tập, rèn luyện nhằm phát triển tối đa các phẩm chất và năng lực, đảm bảo khi Hoàn thành Chương trình Tiểu học ở nhà trường, các em phải là những người có đạo đức, có sức khỏe, yêu quê hương đất nước, có lòng tự hào dân tộc, có các kỹ năng sống cơ bản theo lứa tuổi, có kiến thức chắc chắn để học tốt ở bậc học sau.

- Tổ chức dạy học theo nội dung, phương pháp, chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1, 2 và 3 các lớp 4, 5 thực hiện dạy học theo mô hình VNEN, phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh. Đối với lớp 5 dạy học điều chỉnh nội dung theo Công văn số 3799/BGDĐT-GDTH ngày 01/09/2021 của Bộ GDĐT và Công văn số 1773/SGDĐT-GDTH về việc hướng dẫn điều chỉnh kế hoạch dục lớp 5 đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018.

- Căn cứ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông; Căn cứ Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp Tiểu học; Căn cứ Công văn 1338/SGDĐT- GD TH ngày 28/06/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp Tiểu học; Căn cứ Công văn 162/PGDĐT -TH ngày 5/8/2021 về việc hướng dẫn lập kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đối với lớp 1, 2, 3 theo Chương trình GDPT 2018. Các tổ chuyên môn lập kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục ở khối lớp 1, 2, 3.

- Đảm bảo việc rà soát, điều chỉnh phân phối chương trình trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kĩ năng và thái độ của cấp học trong chương trình giáo dục theo hướng tinh giản, tăng cường phát triển các kĩ năng trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ trong Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế theo khung thời gian 35 tuần thực học (học kỳ I: 18 tuần, học kỳ II: 17 tuần).

- Các tổ chuyên môn có trách nhiệm xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học, thiết kế tiến trình dạy học trong mỗi môn học với các nội dung, các chủ đề dạy học, các chủ đề tích hợp phù hợp và theo hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; chú trọng giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiêu biết xã hội, thực hành pháp luật; tăng cường các hoạt động nhằm giúp học sinh vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh của mỗi tổ phải phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh; tất cả đều được thể hiện trong biên bản họp tổ và được Hiệu trưởng duyệt trước khi thực hiện.

**1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục** *( Phụ lục 1.1)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môn học** | **Số tiết học của từng môn Lớp 1** | | | **Số tiết học của từng môn Lớp 2** | | | **Số tiết học của từng môn Lớp 3** | | | **Số tiết học của từng môn Lớp 4** | | | **Số tiết học của từng môn Lớp 5** | | |
| **HK1** | **HK2** | **CN** | **HK1** | **HK2** | **CN** | **HK1** | **HK2** | **CN** | **HK1** | **HK2** | **CN** | **HK1** | **HK2** | **CN** |
| **I/.** | **Môn học bắt buộc** | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | TV | 216 | 204 | 420 | 180 | 170 | 350 | 126 | 119 | 245 | 144 | 136 | 280 | 144 | 136 | 280 |
| 2 | T | 54 | 51 | 105 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 |
| 3 | TN-XH | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |  |  |  |  |  |  |
| 4 | KH |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |
| 5 | LS & ĐL |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |
| 6 | ĐĐ | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 |
| 7 | ÂN | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 |
| 8 | MT | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 |
| 9 | TC |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | KT |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 |
| 11 | GD  TC | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |
| 12 | HĐ  TN | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 |  |  |  |  |  |  |
| 13 | T. Anh |  |  |  |  |  |  | 72 | 68 | 140 |  |  |  |  |  |  |
| 14 | Tin học/CN |  |  |  |  |  |  | 36 | 34 | 70 |  |  |  |  |  |  |
| **II/.** | **Môn học tự chọn** | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | T. Anh | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |  |  |  | 72 | 68 | 140 | 72 | 68 | 140 |
| 2 | Tin học |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |
| **III/** | **Giáo dục tập thể** | | | | | | | | | | | | | | |  |
|  | CC- SHL |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |
| **IV/** | **Chương trình tăng cường mở rộng** | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | ATGT, Mắt, ĐTV+NG | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 |
| 2 | LT, LTV | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 36 | 34 | 70 |  |  |  |  |  |  |
| 3 | KNS | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số tiết** | | 576 | 544 | 1120 | 576 | 544 | 1120 | 576 | 544 | 1120 | 576 | 544 | 1120 | 576 | 544 | 1120 |
| **Số tiết/ tuần Cả năm học** | | **32 tiết/ tuần**  **1120 tiết/ 35 tuần** | | | **32 tiết/ tuần**  **1120 tiết/ 35 tuần** | | | **32 tiết/ tuần**  **1120 tiết/ 35 tuần** | | | **32 tiết/ tuần**  **1120 tiết/ 35 tuần** | | | **32 tiết/ tuần**  **1120 tiết/ 35 tuần** | | |

**2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học**

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học *( Phụ lục 1.2)*

| **Tháng** | **Chủ điểm** | **Nội dung trọng tâm** | **Hình thức tổ chức** | **Thời gian thực hiện** | **Người thực hiện** | **Lực lượng cùng tham gia** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **9** | Vui Trung Thu |  |  | Tuần 1 |  |  |
| **10** | Truyền thống nhà trường | Giáo dục truyền thống nhà trường | Sinh hoạt dưới cờ | Tuần 9 | TPT | Toàn hội đồng |
| **11** | Biết ơn thầy cô | Biết ơn thầy cô giáo | Sinh hoạt dưới cờ | Tuần 11 | TPT | Toàn hội đồng |
| **12** | Uống nước nhớ nguồn | Giáo dục HS uống nước nhớ nguồn | Sinh hoạt dưới cờ | Tuần 15 | TPT | Toàn hội đồng |
| **1,2** | Mừng Đảng, mừng xuân | Chào mừng ngày thành lập Đảng, đón xuân | Sinh hoạt dưới cờ | Tuần 19 | TPT | Toàn hội đồng |
| **3** | Tiến bước lên đoàn | Nắm được ý nghĩa ngày thành lập Đoàn | Sinh hoạt dưới cờ | Tuần 27 | TPT | Toàn hội đồng |
| **4** | Ngày hội vui khỏe | Sinh hoạt chủ đề: Ngày hội vui khỏe | Sinh hoạt ngoài trời | Tuần 31 | TPT | Toàn hội đồng |
| **5** | Nhớ ơn Bác Hồ | Giáo dục HS nhớ ơn Bác Hồ | Sinh hoạt theo chủ đề | Tuần 34 | TPT | Toàn hội đồng |

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường *(Phụ lục 1.3)*

**3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2022-2023 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục**

Thực hiện Quyết định số 2094/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về Kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 cụ thể đối với giáo dục tiểu học:

Ngày tựu trường: ngày 01/9/2022

Ngày khai giảng: ngày 05/9/2022

Học kỳ I: Từ ngày 05/9/2022 đến trước ngày 14/01/2023 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Học kỳ II: Từ ngày 16/01/2023 đến ngày 25/5/2023 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Ngày bế giảng năm học: Từ ngày 28-31/5/2022

Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn …).

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học tại Trường TH&THCS Đại Tân thời gian thực hiện chương trình năm học 2022-2023 cụ thể như sau:

**3.1. Đối với khối lớp 1**

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. *( Phụ lục 1.4)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN** | | | | | | | | | | | | |
| **THỜI GIAN** | | Ngày/  tháng | Ngày/  tháng | Ngày/  tháng | | Ngày/  tháng | Ngày/  tháng | | Ngày/ | Ngày/  tháng |  |
| Buổi | Tiết học | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | | Thứ 5 | Thứ 6 | | Thứ 7 | Chủ nhật | Điều chỉnh kế hoạch Tuần |
| Sáng | 1 | C.cờ | Toán | Toán | | T.Việt | GDKNS | |  |  |  |
| 2 | Toán | T.Việt | T.Việt | | T.Việt | T.Việt | |  |  |  |
| 3 | T.Việt | T.Việt | T.Việt | | T.Việt | T.Việt | |  |  |  |
| 4 | T.Việt | TN-XH | L.TV | | LT | HĐTN | |  |  |  |
| Chiều | 5 | T.Việt | Nhac | TN-XH | | SHCM | LT | |  |  |  |
| 6 | HĐTN | T.Anh | MT | | T.dục | |  |  |  |
| 7 | GT+ Mắt, ĐTV | T.Anh | T.dục | | Đ.đức | |  |  |  |
| **Tổng số tiết/tuần** | | **TỔNG HỢP** | | | | | | | | | | |
| **TT** | | **Nội dung** | | | **Số lượng tiết học** | | | **Chi chú** | | | | |
| 1 | | Tiếng Việt | | | 12 | | |  | | | | |
| 2 | | Toán | | | 3 | | |  | | | | |
| 3 | | TNXH | | | 2 | | |  | | | | |
| 4 | | Đ.đức | | | 1 | | |  | | | | |
| 5 | | T.dục | | | 2 | | |  | | | | |
| 6 | | MT | | | 1 | | |  | | | | |
| 7 | | Nhạc | | | 1 | | |  | | | | |
| 8 | | HĐTN | | | 3 | | |  | | | | |
| 9 | | Môn học tự chọn (T.Anh) | | | 2 | | |  | | | | |
| 10 | | Hoạt động củng cố tăng cường (L.TV, L.T) | | | 3 | | |  | | | | |
| 11 | | ATGT+ GD mắt , Đọc TV | | | 1 | | |  | | | | |
| 12 | | GDKNS | | | 1 | | |  | | | | |
|  | | Sinh hoạt chuyên môn | | |  | | |  | | | | |
|  | | Các ngày nghỉ trong năm | | |  | | | Theo qui định | | | | |
|  | | Tổng số tiết học kỳ I | | | 32 x 18 = 576 | | |  | | | | |
|  | | Tổng số tiết học kỳ II | | | 32 x 17 = 544 | | |  | | | | |

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1 *(Kèm theo Phụ lục 2)*

**3.2. Đối với khối lớp 2**

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. *( Phụ lục 1.4)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN** | | | | | | | | | | | | |
| **THỜI GIAN** | | Ngày/  tháng | Ngày/  tháng | Ngày/  tháng | | Ngày/  tháng | | Ngày/  tháng | | Ngày/ | Ngày/  tháng |  |
| Buổi | Tiết học | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | | Thứ 5 | | Thứ 6 | | Thứ 7 | Chủ nhật | Điều chỉnh kế hoạch Tuần |
| Sáng | 1 | C.cờ | Toán | Toán | | Toán | | Toán | |  |  |  |
| 2 | Toán | T.Việt | T.Việt | | T.Việt | | T.Việt | |  |  |  |
| 3 | T.Việt | T.Việt | T.Việt | | T.Việt | | T.Việt | |  |  |  |
| 4 | T.Việt | TN-XH | L.TV | | L.Toán | | HĐTN | |  |  |  |
| Chiều | 5 | Đ.đức | Nhac | TN-XH | | SHCM | | L.TV | |  |  |  |
| 6 | HĐTN | T.Anh | MT | | T.dục | |  |  |  |
| 7 | GT+ Mắt ,ĐTV | T.Anh | T.dục | | GDKNS | |  |  |  |
| **Tổng số tiết/tuần** | |  | | | | | **TỔNG HỢP** | | | | | |
| **TT** | | **Nội dung** | | | **Số lượng tiết học** | | | | **Chi chú** | | | |
| 1 | | Tiếng Việt | | | 10 | | | |  | | | |
| 2 | | Toán | | | 5 | | | |  | | | |
| 3 | | TNXH | | | 2 | | | |  | | | |
| 4 | | Đ.đức | | | 1 | | | |  | | | |
| 5 | | T.dục | | | 2 | | | |  | | | |
| 6 | | MT | | | 1 | | | |  | | | |
| 7 | | Nhạc | | | 1 | | | |  | | | |
| 8 | | HĐTN | | | 3 | | | |  | | | |
| 9 | | Môn học tự chọn (T.Anh) | | | 2 | | | |  | | | |
| 10 | | Hoạt động củng cố tăng cường (L.TV, L.T) | | | 3 | | | |  | | | |
| 11 | | ATGT+GDM, Đọc TV | | | 1 | | | |  | | | |
| 12 | | GDKNS | | | 1 | | | |  | | | |
|  | | Sinh hoạt chuyên môn | | |  | | | |  | | | |
|  | | Các ngày nghỉ trong năm | | |  | | | |  | | | |
|  | | Tổng số tiết học kỳ I | | | 32 x 18 = 576 | | | |  | | | |
|  | | Tổng số tiết học kỳ II | | | 32 x 17 = 544 | | | |  | | | |

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2 *(Kèm theo Phụ lục 2)*

**3.3. Đối với khối lớp 3**

Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. *( Phụ lục 1.4)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN** | | | | | | | | | | | |
| **THỜI GIAN** | | Ngày/  tháng | Ngày/  tháng | Ngày/  tháng | | Ngày/  tháng | Ngày/  tháng | | Ngày/ | Ngày/  tháng |  |
| Buổi | Tiết học | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | | Thứ 5 | Thứ 6 | | Thứ 7 | Chủ nhật | Điều chỉnh kế hoạch Tuần |
| Sáng | 1 | C.cờ | Toán | Toán | | Toán | Toán | |  |  |  |
| 2 | Toán | T.Việt | T.Việt | | T.Việt | T.Việt | |  |  |  |
| 3 | T.Việt | L.TV | T.Việt | | GDKNS | T.Anh | |  |  |  |
| 4 | T.Việt | T.dục | L.T | | T.dục | T.Anh | |  |  |  |
| Chiều | 5 | T.Anh | MT | Nhạc  Đ.đức | | SHCM | Tin học | |  |  |  |
| 6 | T.Anh | T.công | Tin học | |  |  |  |
| 7 | TNXH | GT+Mắt,ĐTV | TNXH | | SHL | |  |  |  |
| **Tổng số tiết/tuần** | | **TỔNG HỢP** | | | | | | | | | |
| **TT** | | **Nội dung** | | | **Số lượng tiết học** | | | **Chi chú** | | | |
| 1 | | Tiếng Việt | | | 7 | | |  | | | |
| 2 | | Toán | | | 5 | | |  | | | |
| 3 | | TNXH | | | 2 | | |  | | | |
| 4 | | Đ.đức | | | 1 | | |  | | | |
| 5 | | T.dục | | | 2 | | |  | | | |
| 6 | | MT | | | 1 | | |  | | | |
| 7 | | Nhạc | | | 1 | | |  | | | |
| 8 | | HĐTN | | | 3 | | |  | | | |
| 9 | | T.Anh | | | 4 | | |  | | | |
| 10 | | Tin học + Công nghệ | | | 2 | | |  | | | |
| 11 | | Hoạt động củng cố tăng cường (L.TV, L.T) | | | 2 | | |  | | | |
| 12 | | GDKNS | | | 1 | | |  | | | |
| 13 | | ATGT+GDM, Đọc TV | | | 1 | | |  | | | |
|  | | Sinh hoạt chuyên môn | | |  | | |  | | | |
|  | | Các ngày nghỉ trong năm | | |  | | |  | | | |
|  | | Tổng số tiết học kỳ I | | | 32 x 18 = 576 | | |  | | | |
|  | | Tổng số tiết học kỳ II | | | 32 x 17 = 544 | | |  | | | |

**3.4. Đối với khối lớp 4**

Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. *( Phụ lục 1.4)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN** | | | | | | | | | | | |
| **THỜI GIAN** | | Ngày/  tháng | Ngày/  tháng | Ngày/  tháng | | Ngày/  tháng | Ngày/  tháng | | Ngày/ | Ngày/  tháng |  |
| Buổi | Tiết học | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | | Thứ 5 | Thứ 6 | | Thứ 7 | Chủ nhật | Điều chỉnh kế hoạch Tuần |
| Sáng | 1 | C.cờ | Toán | Toán | | Toán | Toán | |  |  |  |
| 2 | Toán | T.Việt | T.Việt | | T.Việt | T.Việt | |  |  |  |
| 3 | T.Việt | Sử | T.Việt | | T.Việt | T.Anh | |  |  |  |
| 4 | T.Việt | T.dục | Khoa | | T.dục | T.Anh | |  |  |  |
| Chiều | 5 | T.Anh | MT | Nhạc  Đ.đức | | SHCM | Tin học | |  |  |  |
| 6 | T.Anh | K.thuật | Tin học | |  |  |  |
| 7 | Khoa | GT+NG | Địa | | SHL | |  |  |  |
| **Tổng số tiết/tuần** | | **TỔNG HỢP** | | | | | | | | | |
| **TT** | | **Nội dung** | | | **Số lượng tiết học** | | | **Chi chú** | | | |
| 1 | | Tiếng Việt | | | 8 | | |  | | | |
| 2 | | Toán | | | 5 | | |  | | | |
| 3 | | Khoa, Sử-Địa | | | 4 | | |  | | | |
| 4 | | Đ.đức | | | 1 | | |  | | | |
| 5 | | T.dục | | | 2 | | |  | | | |
| 6 | | MT | | | 1 | | |  | | | |
| 7 | | Nhạc | | | 1 | | |  | | | |
| 8 | | T. công (Kĩ thuật) | | | 1 | | |  | | | |
| 9 | | C.cờ, Sinh hoạt lớp | | | 2 | | |  | | | |
| 10 | | T.Anh | | | 4 | | |  | | | |
| 11 | | Tin học | | | 2 | | |  | | | |
| 12 | | ATGT+NGLL | | | 1 | | |  | | | |
|  | | Sinh hoạt chuyên môn | | |  | | |  | | | |
|  | | Các ngày nghỉ trong năm | | |  | | |  | | | |
|  | | Tổng số tiết học kỳ I | | | 32 x 18 = 576 | | |  | | | |
|  | | Tổng số tiết học kỳ II | | | 32 x 17 = 544 | | |  | | | |

**3.5. Đối với khối lớp 5**

Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. *( Phụ lục 1.4)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN** | | | | | | | | | | | |
| **THỜI GIAN** | | Ngày/  tháng | Ngày/  tháng | Ngày/  tháng | | Ngày/  tháng | Ngày/  tháng | | Ngày/ | Ngày/  tháng |  |
| Buổi | Tiết học | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | | Thứ 5 | Thứ 6 | | Thứ 7 | Chủ nhật | Điều chỉnh kế hoạch Tuần |
| Sáng | 1 | C.cờ | Toán | Toán | | Toán | Toán | |  |  |  |
| 2 | Toán | T.Việt | T.Việt | | T.Việt | T.Việt | |  |  |  |
| 3 | T.Việt | Sử | T.Việt | | T.Việt | T.Anh | |  |  |  |
| 4 | T.Việt | T.dục | Khoa | | T.dục | T.Anh | |  |  |  |
| Chiều | 5 | T.Anh | MT | Nhạc  Đ.đức | | SHCM | Tin học | |  |  |  |
| 6 | T.Anh | K.thuật | Tin học | |  |  |  |
| 7 | Khoa | GT+NG | Địa | | SHL | |  |  |  |
| **Tổng số tiết/tuần** | | **TỔNG HỢP** | | | | | | | | | |
| **TT** | | **Nội dung** | | | **Số lượng tiết học** | | | **Chi chú** | | | |
| 1 | | Tiếng Việt | | | 8 | | |  | | | |
| 2 | | Toán | | | 5 | | |  | | | |
| 3 | | Khoa, Sử-Địa | | | 4 | | |  | | | |
| 4 | | Đ.đức | | | 1 | | |  | | | |
| 5 | | T.dục | | | 2 | | |  | | | |
| 6 | | MT | | | 1 | | |  | | | |
| 7 | | Nhạc | | | 1 | | |  | | | |
| 8 | | T. công (Kĩ thuật) | | | 1 | | |  | | | |
| 9 | | C.cờ, Sinh hoạt lớp | | | 2 | | |  | | | |
| 10 | | T.Anh | | | 4 | | |  | | | |
| 11 | | Tin học | | | 2 | | |  | | | |
| 12 | | ATGT+NGLL | | | 1 | | |  | | | |
|  | | Sinh hoạt chuyên môn | | |  | | |  | | | |
|  | | Các ngày nghỉ trong năm | | |  | | |  | | | |
|  | | Tổng số tiết học kỳ I | | | 32 x 18 = 576 | | |  | | | |
|  | | Tổng số tiết học kỳ II | | | 32 x 17 = 544 | | |  | | | |

**4. Tham gia các hội thi chuyên môn**

***a) Đối với giáo viên***

- Cấp Huyện:

+ Hội thi “Giáo viên dạy giỏi”: 3 GV

- Cấp Trường:

+ Hội thi “Giáo viên dạy giỏi”: 10 GV

+ Các ngày hội theo chủ điểm (Hội giảng chào mừng 20/11): 15 GV

***b) Đối với học sinh***

- Cấp Huyện:

+ Giao lưu Olympic tiếng Anh: có giải

- Cấp Trường:

+ Giao lưu Olympic Tiếng Anh: Khối 4, 5

**6. Công tác kiểm tra**

6.1. Yêu cầu

- Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ để phát hiện, điều chỉnh những việc chưa hợp lý và tuyên dương những cá nhân, tổ tích cực, sáng tạo.

- Thông qua công tác kiểm tra để rút kinh nghiệm, hướng dẫn, điều chỉnh kịp thời cho tất cả cá nhân, tổ về việc thực hiện nhiệm vụ.

6.2. Biện pháp thực hiện

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, thành lập ban kiểm tra nội bộ nhà trường.

- Thường xuyên kiểm tra theo kế hoạch kết hợp kiểm tra không báo trước để kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót, hạn chế nhằm giúp các bộ phận hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

6.3. Chỉ tiêu kiểm tra

6.3.1.Kiểm tra hoạt động sư phạm:

Kiểm tra hoạt động của lớp :5/14 lớp. Tỷ lệ: 35,7%

\* Học kỳ 1 : 3 lớp

\* Học kỳ 2 : 2 lớp

Kiểm tra hoạt động sư phạm giáo viên

- 5/16 giáo viên, Tỉ lệ: 31 %

- Học kỳ 1: 3 giáo viên

- Học kỳ 2: 2 giáo viên

6.3.2.Kiểm tra chuyên đề

- 11/16 giáo viên, tỉ lệ:: 68,7%

- Kỳ I : 6 giáo viên

- Kỳ II: 5 giáo viên

**IV. Giải pháp thực hiện**

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Tổ chức kiểm tra, rà soát thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (TBDH) để có kế hoạch sửa chữa và bổ sung kịp thời theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu đã ban hành, đồng thời quản lí tốt việc sử dụng và bảo quản đồ dùng dạy học.

Từng bước mua mới, thay thế, sửa chữa bàn ghế đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh, phù hợp tầm vóc học sinh và yêu cầu đổi mới hình thức, phương pháp dạy học.

Khai thác các nguồn lực nhằm tăng cường các TBDH tối thiểu, thiết bị dạy học có yếu tố công nghệ thông tin, phần mềm dạy học.

2. Thực hiện công tác đội ngũ (số lượng, chất lượng, trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp, …)

- Tham mưu kịp thời với Phòng giáo dục bố trí đủ giáo viên ngay từ đầu năm học để đảm nhiệm công tác giảng dạy tại trường. Đối với giáo viên chưa đạt chuẩn, trường tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp học nâng chuẩn.

- Bồi dưỡng thường xuyên giáo viên qua các lần thao giảng, hội giảng, dự giờ giúp nâng cao năng lực sư phạm và đảm bảo chuẩn nghề nghiệp về: Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; Định hướng đổi mới giáo dục “lấy người học làm trung tâm”, để phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đòi hỏi giáo viên phải đổi mới có thể đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra. Ngoài bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên để nâng cao trình độ chuyên môn, nhất thiết phải bồi dưỡng giáo viên về Phương pháp dạy học để giáo viên có đầy đủ khả năng hướng dẫn học sinh phải tự học nhiều hơn nhằm phát triển năng lực học sinh.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn các tổ ít nhất 2 lần/tháng thời điểm vào chiều thứ 5 tuần 2 và tuần 3 trong tháng, sinh hoạt chuyên môn cấp trường bình quân 2 tháng 1 lần vào chiều thứ 5 ở tuần 4 các tháng 10, 12, 02 và 3.

- Xây dựng quy chế chuyên môn, kế hoạch dự giờ, kiểm tra sư phạm giáo viên ngay từ đầu năm học.

- Tiếp tục thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

**V. Tổ chức thực hiện**

1. **Hiệu trưởng**

- Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ.

- Chủ trì xây dựng các tiêu chí thi đua trong nhà trường.

- Ban hành quyết định thành lập tổ chuyên môn; quyết định bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn.

- Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 của giáo viên.

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

**2. Phó Hiệu trưởng**

- Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, đảm bảo dạy không quá 7 tiết/ngày; 9 buổi /tuần.

- Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ và các hoạt động khác có liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học lớp 1, 2, 3 theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

**3. Tổ trưởng chuyên môn**

- Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động chuyên môn của tổ.

- Xây dựng KHGD môn học theo khối lớp

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo nghiên cứu bài học; đổi mới phương pháp day học và lựa chọn nội dung dạy học; những vấn đề vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với lớp 1, 2, 3.

- Dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm tiết dạy cho giáo viên; bồi dưỡng giáo viên trong tổ.

- Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ.

- Tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.

**4. Tổng phụ trách đội**

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hoạt động theo chủ đề.

**5. Giáo viên chủ nhiệm**

- Thực hiện tốt công tác và giảng dạy, giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học; soạn bài, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh.

- Quản lí học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động chuyên môn.

- Chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục.

- Trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh, thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

- Học tập, rèn luyện để nâng cao sức khỏe, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Tham gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học ở địa phương.

- Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quyết định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lí giáo dục.

- Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục.

**6. Giáo viên phụ trách môn học**

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.

- Thực hiện nghiêm túc nội quy chế chuyên môn.

- Chịu trách nhiệm chất lượng của môn giảng dạy.

- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.

- Tích cực tự trau rồi chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.

**7. Nhân viên**

- Tổ chức các hoạt động của thư viện, thiết bị.

- Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.

- Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.

- Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch tổ chức Ngày hội đọc sách.

- Tham mưu với lãnh đạo trường về mua sắm bổ sung sách báo, trang thiết bị dạy học theo đề xuất của giáo viên.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2021-2022 của Trường TH Đoàn Trị Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc nhà trường điều chỉnh, bổ sung.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Phòng GD&ĐT;  - TTCM;  - Các bộ phận;  - Lưu: VT. | **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**    **Võ Văn Tâm** |

**DUYỆT CỦA PHÒNG GDĐT HUYỆN ĐẠI LỘC**

……………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………